TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 6 năm 2023
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Đỗ Ngọc T;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị H;
Bà Nguyễn Thị P

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh H tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Phú Q– sinh năm 1990

HKTT: tổ 3, khu 2, xã Đ, thành phố V, tỉnh H.

- *Bị đơn*: Chị Đinh Thị Lan H - sinh năm 1995

HKTT: tổ 3, khu 2, xã Đ, thành phố V, tỉnh H.

Hiện nay đang ở Nhật Bản.

(Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt; chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Bùi Phú Qtrình bày: Anh và chị Đinh Thị Lan H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2017 chị H đi xuất khẩu lao động, sau đó giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị Lan H.

Về con chung: Anh Bùi Phú Q xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 23/3/2017. Khi ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh Bùi Phú Q xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Bùi Phú Q tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Bùi Phú Q đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Anh Bùi Phú Q trình bày hiện nay anh không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở Nhật Bản nên anh không thể cung cấp địa chỉ của chị H cho Tòa án được. Anh Qđề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của chị H ở Nhật Bản thông qua bố đẻ của chị H là ông Đinh Trung T, sinh năm 1967; địa chỉ: khu 2, xã Đ, thành phố V, tỉnh H.

Thân nhân của chị Đinh Thị Lan H ông Đinh Trung T trình bày: ông là bố đẻ của chị Đinh Thị Lan H, hiện tại ông vẫn thường xuyên liên lạc với chị H qua điện thoại nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở chỗ nào tại Nhật Bản vì chị H không nói cho ông biết. Do vậy, ông không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của chị H tại Nhật Bản cho Tòa án. Ông T cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H được biết. Việc anh Q làm đơn xin ly hôn chị H, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Phú Quang. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Bùi Phú Q được ly hôn chị Đinh Thị Lan H. Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 23/3/2017 cho anh Bùi Phú Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Đinh Thị Lan H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: anh Q xác định vợ chồng không có, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: anh Bùi Phú Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Bùi Phú Qnộp đơn xin được ly hôn với chị Đinh Thị Lan H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, anh Q trình bày hiện chị H đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Tại văn bản số 3983/QLXNC-P5 ngày 28/2/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: "*Đinh Thị Lan H, sinh ngày 14/7/1995, đã xuất cảnh ngày 03/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước".* Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Anh Bùi Phú Qvắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Phú Q và chị Đinh Thị Lan H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Đ, thành phố V, tỉnh H vào ngày 25/10/2015. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Từ năm 2017 đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị Lan H.

Chị Đinh Thị Lan H hiện đang ở nước ngoài, anh Bùi Phú Q chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị Đinh Thị Lan H ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của anh Quang, Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị H ở nước ngoài thông qua bố đẻ của chị H là ông Đinh Trung T, sinh năm 1967; địa chỉ: khu 2, xã Đ, thành phố V, tỉnh H.

Bố đẻ của chị Đinh Thị Lan H - ông Đinh Trung T cung cấp thông tin: hiện tại ông vẫn thường xuyên liên lạc với chị H nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài vì chị H không nói cho ông được biết. Do vậy ông chỉ biết chị H hiện đang ở Nhật Bản nên ông không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của chị H cho Tòa án được. Ông T cũng nhất trí nhận thay chị H các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H biết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh Q và chị H đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Bùi Phú Q đề nghị Tòa án giải quyết cho

anh được ly hôn với chị Đinh Thị Lan H là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của anh Q được chấp nhận.

Về con chung: anh Bùi Phú Q và chị Đinh Thị Lan H có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 23/3/2017. Khi ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và anh không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Theo Ông T (bố đẻ của chị H) thì chị H cũng nhất trí để anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D. Xét thấy, cháu Bùi Ngọc D đang còn nhỏ, chị H hiện đang ở nước ngoài không có lời trình bày tại Tòa án. Do đó để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con chung của anh chị, cần giao cháu Bùi Ngọc D cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Q về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với anh.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: anh Bùi Phú Q xác định không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Bùi Phú Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Phú Q.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Phú Q được ly hôn với chị Đinh Thị Lan H.

[2] Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 23/3/2017 cho anh Bùi Phú Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Đinh Thị Lan H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q do anh Q không yêu cầu. Chị Đinh Thị Lan H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Bùi Phú Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Bùi Phú Qđã nộp

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000443 ngày 13/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Bùi Phú Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày; chị Đinh Thị Lan H có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Ngọc T